

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 611/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 07/7/2020  
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1343/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Chung cư Đ, phường Tam P, quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí M (có đơn xin vắng mặt)

**2. Bị đơn:** Ông Mai Quốc H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Chung cư Đ, phường Tam P, quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí M (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Mai Quốc H tự nguyện kết hôn vào năm 2014 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Hiệp Bình Ph, quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi lập gia đình chúng tôi sống tự lập. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, ông H không có trách nhiệm với gia đình, từ đó cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Ông bà đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Mai Gia B, sinh ngày 21/3/2014. Hiện nay bà đang trực tiếp nuôi con, sau khi ly hôn bà Tyêu cầu nuôi con và tự nguyện không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Txác định không có.

Bị đơn ông Mai Quốc H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án. Ông Mai Quốc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Mai Quốc H cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án. Bị đơn ông Mai Quốc H đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị T và ông Mai Quốc H tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo trích lục kết hôn số 59 ngày 13/5/2014 do Ủy ban nhân phường Hiệp Bình P, quận Thủ Đức cấp, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Ngày 28/02/2020 bà T nộp đơn xin ly hôn với ông H. Trong quá trình hòa giải bà T kiên quyết xin ly hôn, ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T và ông H tự nguyện kết hôn từ năm 2014, theo bà T cho rằng cuộc sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, những mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ông H không có trách nhiệm với gia đình, từ đó cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Bà đã khuyên bảo và cho ông H nhiều cơ hội để thay đổi nhưng không có kết quả. Ông bà đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Ông Mai Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa để giải

quyết vụ án nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy ông H không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, không chú tâm đến các yêu cầu của bà Tvà cũng không có ý thức tôn trọng pháp luật. Bà Txác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông H không còn, mục đích hôn nhân hiện nay cũng không đạt được, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, ông bà cũng đã ly thân và nay xin ly hôn, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Tvề việc xin ly hôn với ông H.

Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của bà Tvà tài liệu có trong hồ sơ có cơ sở xác định bà Tvà ông H có 01 người con chung tên Mai Gia B, sinh ngày 21/3/2014, hiện bà đang trực tiếp nuôi con. Bà Tcó yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung và tự nguyện không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con chung của bà Tâm, Hội đồng xét xử xét thấy bà Tđang trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Mai Gia B, sinh ngày 21/3/2014, ông H đã được Tòa án thông báo về yêu cầu được nuôi con chung của bà Tnhưng không có ý kiến gì nên yêu cầu tiếp tục được nuôi con chung của bà Tsau khi ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy căn cứ vào Điều 58, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Tđược tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên Mai Gia B để ổn định môi trường phát triển và học tập. Ghi nhận việc bà Tkhông yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại Tòa, bà Txác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tại Tòa, bà Txác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 bà Tphải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Khoản 2 Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 80, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1-/ Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Mai Quốc H.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Mai Gia B, sinh ngày 21/3/2014.

Giao người con chung tên Mai Gia B, sinh ngày 21/3/2014 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Mai Quốc H phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2-/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0056341 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, bà T đã nộp đủ án phí. Ông Mai Quốc H không phải chịu án phí.

3-/ Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án NDTP.HCM;
- VKS NDQ.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đ/sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ánh Nguyệt**

